

I. Gerund (danh động từ)

Chức năng của danh động từ:

1. Làm chủ ngữ
2. Làm tân ngữ
3. Làm bổ ngữ
4. Làm ngữ đồng vị
5. Làm danh từ ghép

II. PRESENT PARTICIPLE (phân từ hiện tại)

Chức năng của phân từ hiện tại:

1. Dùng trong các thì tiếp diễn
2. Thay cho một mệnh đề: mệnh đề độc lập trong câu ghép, mệnh đề phụ trong câu, mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian, mệnh đề trạng ngữ chỉ lý do.
3. Dùng như một tính từ
4. Cấu trúc: There + be + noun + present participle.
5. Cấu trúc câu: S + sit/ stand/ lie/ come/ run (cụm từ chỉ nơi chốn) + present participle
6. Sau một số động từ tri giác (see, hear, smell, feel, taste, overhear,...), catch, find, spend, waste.

NHỮNG ĐỘNG TỪ THEO SAU BỞI V-ING

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	Admit doing STH	Thú nhận làm gì
2	Appreciate doing STH	Cảm kích làm gì
3	Avoid doing STH	Trách làm gì
4	Be busy doing STH	Bận làm gì
5	Be worth doing STH	Đáng làm gì
6	Can't help/ stand/bear doing STH	Không thể chịu/ nhịn được
7	Consider doing STH	Xem xét, cân nhắc làm gì
8	Delay/postpone/put off doing STH	Hoãn lại làm gì
9	Deny doing STH	Phủ nhận làm gì

10	Feel like doing STH	Thích/ muốn làm gì
11	Enjoy/fancy doing STH	Thích làm gì
12	Finish doing STH	Hoàn thành làm gì
13	Get/be accustomed to doing STH	Quen làm gì
14	Hate/detest/resent doing STH	Ghét làm gì
15	Have difficulty (in) doing STH	Gặp khó khăn trong việc làm gì
16	Imagine doing STH	Tưởng tượng làm gì
17	Involve doing STH	Có liên quan làm gì
18	Keep doing STH	Cứ làm gì
19	Look forward to doing STH	Mong đợi làm gì
20	Mention doing STH	Đề cập làm gì
21	Mind doing STH	Phiền, ngại làm gì
22	Miss doing STH	Suýt, lỡ làm gì
23	Practice doing STH	Thực hành làm gì
24	Recall doing STH	Nhớ lại làm gì
25	Recommend doing STH	Đề xuất làm gì
26	Resist doing STH	Phản đối làm gì
27	Risk doing STH	Liều lĩnh làm gì
28	Spend time doing STH	Dành thời gian làm gì
29	Suggest doing STH	Gợi ý làm gì
30	There is no point in doing STH = It's no use/ good doing STH	Không đáng làm gì
31	Tolerate doing STH	Chịu đựng làm gì
32	Waste time doing STH	Lãng phí thời gian làm gì

III. PERFECT GERUND (danh động từ hoàn thành) và PERFECT PARTICIPLE (phân từ hoàn thành)

CÔNG THỨC: HAVING + VP2	
Danh động từ hoàn thành	Phân từ hoàn thành
- Dùng thay cho hình thức hiện tại của danh động từ khi chúng ta đề cập đến vấn đề trong quá khứ	- Dùng rút ngắn mệnh đề khi hành động trong mệnh đề đó xảy ra trước - Dùng rút ngắn mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian

Exercise:

1. It was his own fault, but I couldn't help _____ sorry for him.			
a. feeling	b. to feel	c. having felt	d. to have felt
2. The medical authorities warned everyone not to drink the water without first _____ it.			
a. being boiled	b. boiling	c. having boiled	d. Having to boil
3. Most people talk too much and don't realize how important _____ it.			
a. to be listening	b. to be listened	c. have listened	d. listening
4. If you've finished _____ the dictionary, I'd like to borrow it.			
a. to have used	b. to use	c. using	d. having used
5. would you mind _____?			
a. that I am reading aloud	b. explaining it once again, please	c. what cause you a lot of trouble	d. to bring the books back by tomorrow
6. On the whole, I enjoy _____ our local club, but I think there are far too many rules and regulations to feel completely at ease			
a. attending	b. attend	c. to attend	d. being attended
7. I deeply regret _____ to her so severely yesterday. She was badly hurt.			
a. to be speaking	b. to speak	c. having spoken	d. being spoken
8. Smokers generally do know that smoking is extremely harmful, but it's just that they can't help _____ it.			

a. doing	b. to do	c. do	d. having done
9. She thanked me for _____ her a lot when she was in trouble			
a. having help	b. helping	c. to help	d. help
10. _____ Cigarettes for years, he was diagnosed with lung cancer.			
a. smoking	b. having smoked	c. having been smoked	d. being smoked
11. While _____ the historical building, they had to get some of the missing tiles specially made			
a. to restore	b. restore	c. restoring	d. being restored
12. I think _____ outside in the open air is much more enjoyable than _____ exercise in some stuffy gyms.			
a. to walk - done	b. walking - doing	c. walk – to be doing	d. having walked – do
13. Authorities should warn people against _____ hazardous foods containing adjectives.			
a. to be using	b. having used	c. using	d. being used produced
14. _____ contaminated water from a nearby river, lots of people in this village suffer from cancers.			
a. drinking	b. having drunk	c. having been drunk	d. drunk
15. Every member of the team praised him for _____ the team win the championship			
a. having help	b. helping	c. having been help	d. being help